

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GIA NGUYỄN-NC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ GIA NGUYỄN-NC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIA NGUYEN-NC MANUFACTURING  
AND TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GIA NGUYEN-NC MANUFACTURING AND TRADING  
SERVICES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301251233

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Vạn Ty, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0973665693

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                 | 8299        |
| 7.  | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310        |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                       | 1621(Chính) |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592        |
| 12. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784        |
| 13. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                           | 3100        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229        |
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291        |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292        |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299        |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC QUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/08/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089006361

Ngày cấp: 19/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Vạn ty, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Vạn ty, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/08/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027089006361

Ngày cấp: 19/10/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Vạn Ty, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Vạn Ty, Xã Thái Bảo, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh